TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/11/2018
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

2. Ông Phạm Hoàng Cảnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 385/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 241/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp SL, xã VĐ, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị TN, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TS, thị trấn OE, huyện T, tỉnh An Giang.

(Đã được tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Anh và chị Bùi Thị TN chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VĐ, huyện T ngày 08/3/2002. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Thị LN, sinh ngày 10/02/2001. Nhưng đến năm 2008 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không hợp nhau nên thường bất đồng ý kiến. Vì kinh tế

gia đình gặp khó khăn nên chị Nhung đi Bình Dương để tìm việc làm từ đó đến nay không trở về, vì thương con còn nhỏ nên anh có khuyên chị Nhung trở về để lo cho gia đình nhưng chị Nhung vẫn không chịu về.Vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị TN.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị LN, sinh ngày 10/02/2001 (hiện đang sống với anh Đ). Anh Đ yêu cầu được nuôi cháu Nhi, không yêu cầu chị Nhung cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn chị Bùi Thị TN*: Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng chị Nhung không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân, cũng không đến tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị Nhung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn chị Bùi Thị TN có địa chỉ tại ấp TS, thị trấn OE, huyện T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Bùi Thị TN đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Bùi Thị TN.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ với chị Bùi Thị TN chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VĐ, huyện T ngày 08/3/2002. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Đ và chị Nhung chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Nhưng đến năm 2008 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không hợp nhau nên thường hay bất đồng ý kiến. Vì kinh tế gia đình gặp khó khăn nên chị Nhung đi Bình Dương để tìm việc làm và không chịu quay về, vì thương con còn nhỏ nên anh Đ có khuyên chị Nhung trở về để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung nhưng chị Nhung vẫn không chịu về. Cho nên anh Đ và chị Nhung đã ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Về phía chị Nhung, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho chị Nhung, tạo điều kiện cho chị

Nhung hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh Đ nhưng chị Nhung không đến tham dự các phiên hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Bùi Thị TN đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Bùi Thị TN có 01 con chung tên Nguyễn Thị LN, sinh ngày 10/02/2001 (hiện đang sống với anh Đ). Xét yêu cầu xin nuôi con của anh Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: hiện tại cháu Nguyễn Thị LN đang được anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2018, cháu Nhi cũng thể hiện nguyện vọng được sống cùng với anh Đ sau khi cha mẹ cháu ly hôn. Cho nên, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của cháu Nhi. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh Đ, tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị LN cho anh Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhưng anh Đ phải tạo điều kiện cho chị Nhung đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ không yêu cầu chị Nhung phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, khi có điều kiện và tình hình thời gian thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Bùi Thị TN.

2. Về quan hệ con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị LN, sinh ngày 10/02/2001 (hiện đang sống với anh Đ) cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Chị Bùi Thị TN không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền

đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Anh Nguyễn Văn Đ phải tạo điều kiện cho chị Bùi Thị TN được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận anh Nguyễn Văn Đ và chị Bùi Thị TN không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì anh Nguyễn Văn Đ và chị Bùi Thị TN vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008913 ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

5. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị TN có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã VĐ, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Minh Tâm